

**QUỸ ETF MAFM VNDIAMOND**  
**MAFM VNDIAMOND ETF**

Số/No: 1373/2026/CV-MAFM

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2026  
Hanoi, day 28 month 09 year 2026

**ANNOUNCEMENT AFTER**  
**EXCHANGE TRADING**

Kính gửi/ To: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)/ Mirae Asset (Vietnam) Fund Management Company Limited
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam/ Shinhan Bank Vietnam Limited
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: QUỸ ETF MAFM VNDIAMOND
- Mã chứng khoán/ Securities symbols: FUEMAVND
- Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address: Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, KĐT M Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Hà Nội/ 38F, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Plot E6, Cau Giay New Urban Area, Yen Hoa Ward, Hanoi
- Điện thoại/ Tel: 024 3564 0666 Fax: 024 3564 0555
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 25/9/2026
- Đơn vị tính lô/ Unit: 1 lô ETF tương đương 100.000 chứng chỉ quỹ ETF/ 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

| STT   | Mã chứng khoán            | Số lượng         | Tỷ lệ % trong danh mục |
|-------|---------------------------|------------------|------------------------|
| Order | Securities symbol         | Volume           | Weighting              |
| I.    | <b>Chứng Khoán/ Stock</b> |                  | <b>99.9%</b>           |
| 1     | ACB                       | 4900             | 7.4%                   |
| 2     | BMP                       | 200              | 2.1%                   |
| 3     | CTD                       | 400              | 1.7%                   |
| 4     | CTG                       | 900              | 1.9%                   |
| 5     | FPT                       | 3500             | 16.2%                  |
| 6     | GMD                       | 1900             | 10.3%                  |
| 7     | HDB                       | 3000             | 5.9%                   |
| 8     | KDH                       | 500              | 0.6%                   |
| 9     | MBB                       | 5000             | 7.0%                   |
| 10    | MSB                       | 1900             | 1.9%                   |
| 11    | MWG                       | 2800             | 14.4%                  |
| 12    | NLG                       | 1800             | 2.9%                   |
| 13    | OCB                       | 600              | 0.4%                   |
| 14    | PNJ                       | 2800             | 6.6%                   |
| 15    | REE                       | 1300             | 4.3%                   |
| 16    | TCB                       | 3800             | 8.9%                   |
| 17    | TPB                       | 1100             | 1.1%                   |
| 18    | VPB                       | 4100             | 6.4%                   |
| II.   | <b>Tiền/ Cash (VND)</b>   | <b>1,610,739</b> | <b>0.1%</b>            |
| III.  | <b>Tổng Cộng/ Total</b>   |                  | <b>100.0%</b>          |

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between a basket and one lot of ETF in value:

- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: 1,412,520,000 VND
- + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: 1,414,130,739 VND
- + Giá trị chênh lệch (nếu có)/ Spread in value: 1,610,739 VND
- + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ Plan to deal with the difference:
  - Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch / Transfer the difference into the Fund's escrow account
  - Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF / With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ In case, stock can be replaced by cash, state reason:

